

Số: **384** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **19** tháng **3** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình khuyến công
tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 95/TTr-SCT ngày 05 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, góp phần xây dựng

nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở phát huy các lợi thế của tỉnh;

b) Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững;

c) Tập trung các hoạt động hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng đề án điểm, đề án nhóm, đề án hỗ trợ các ngành nghề, sản phẩm tiêu biểu phù hợp với tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh Bắc Kạn; xây dựng đề án hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được bình chọn, công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp, các sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề đảm bảo có sự liên kết, tạo sức lan tỏa; các đề án hỗ trợ cơ sở sản xuất các sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng xuất khẩu;

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hỗ trợ xây dựng được 03-04 mô hình trình diễn kỹ thuật; Hỗ trợ 35-40 cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị và chuyển giao công nghệ vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Hỗ trợ xây dựng 01-02 mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

b) Tổ chức được 02 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu cho 15-20 sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm làng nghề. Tổ chức 01 Hội chợ triển lãm trong nước; Tham gia 04 hội chợ triển lãm, quảng bá sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và hỗ trợ 70-80 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các hội chợ triển lãm trong nước để trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm làng nghề;

c) Hỗ trợ chi phí thuê tư vấn, trợ giúp 40-60 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn trong lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới;

d) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 02 - 03 cụm công nghiệp; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại 01-02 cơ sở công nghiệp nông thôn;

đ) Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở công nghiệp nông thôn. Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các ấn phẩm; tờ rơi, tập gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác; tăng mạnh số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn nắm bắt và chủ động tham gia chương trình;

e) Nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện cho cán bộ khuyến công.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề của tỉnh Bắc Kạn;

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn; đảm bảo sự lồng ghép hiệu quả với các chương trình, chính sách hỗ trợ khác của tỉnh;

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước và nâng cao năng lực thực hiện của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương, tạo sự gắn kết cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thành phố tỉnh Bắc Kạn, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến hết năm 2025.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trong giai đoạn 2021-2025, tập trung thực hiện hoạt động khuyến công theo những nội dung sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở công nghiệp nông thôn.

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông lâm sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương;

b) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, tự động hóa, công nghệ 4.0 vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến do cơ sở công nghiệp nông thôn tự nghiên cứu, sản xuất, gia công chế tạo và ứng dụng có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, được cơ quan quản lý công nhận. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, tiết

kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc đưa ra các sản phẩm có tính bảo vệ môi trường, bền vững;

c) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường;

d) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn và nhân rộng mô hình áp dụng; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận các nội dung liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

đ) Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn;

e) Hỗ trợ liên kết các cơ sở công nghiệp nông thôn với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức Hội chợ, triển lãm; tham gia hội chợ, triển lãm, quảng bá sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong nước do Bộ Công Thương, các tỉnh, thành phố tổ chức;

b) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; tặng thưởng, đăng tải thông tin giới thiệu sản phẩm đạt giải các cấp. Hỗ trợ tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác;

c) Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu và đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính (cấp huyện, tỉnh) và các hoạt động xúc tiến thương mại khác;

d) Hỗ trợ tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

3. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp; Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

4. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn

Tổ chức Hội nghị, hội thảo chuyên đề giới thiệu chia sẻ kinh nghiệm, tổ chức sản xuất; kết nối giao thương, tập huấn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở công nghiệp nông thôn với các nội dung: khởi sự doanh nghiệp, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, quản trị doanh nghiệp....

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn, công tác truyền thông.

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác;

b) Tăng cường các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông;

c) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh và thiết kế mẫu

mã, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

d) Hỗ trợ pháp lý về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật về lĩnh vực phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn;

đ) Tư vấn, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước;

e) Đa dạng hóa hoạt động tư vấn khuyến công bằng cả hình thức tư vấn trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin;

6. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

a) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn.

b) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức 02 lớp tập huấn về chuyên môn, chế độ chính sách (đối tượng là cán bộ cấp huyện, cấp xã, hiệp hội, tổ chức chính trị-xã hội); Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

c) Tổ chức 02 đoàn tham quan, khảo sát, chia sẻ, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp trong nước;

d) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với một số hoạt động khuyến công thuộc danh mục sự nghiệp công;

đ) Duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công;

e) Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các nhiệm vụ đề án khuyến công; Tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết các hoạt động khuyến công.

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ; ngân sách địa phương theo phân cấp; nguồn đối ứng của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Tổng kinh phí từ nguồn ngân nhà nước thực hiện Chương trình là: 21.877 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

Trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách địa phương: 8.207 triệu đồng.

- Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (Kinh phí khuyến công quốc gia): 13.670 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

3. Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn Ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao vai trò của cơ quan quản lý nhà nước và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phối hợp hoạt động với các đoàn thể, chính trị-xã hội về hoạt động khuyến công

a. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội trong chỉ đạo, điều hành phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công; Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai hoạt động khuyến công; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật. Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích động viên kịp thời khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công hàng năm và giai đoạn;

b. Thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo nâng cao hiệu quả Chương trình; việc lựa chọn đơn vị thụ hưởng đảm bảo công khai minh bạch, đúng đối tượng, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn;

c. Hàng năm ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình bám sát nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn và khả năng cân đối ngân sách;

d. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh trong lĩnh vực khuyến công. Các cơ quan truyền thông của tỉnh (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn) phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công;

đ. Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Công Thương với các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội để triển khai các hoạt động của Chương trình đảm bảo hiệu quả.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm

a. Quan tâm chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công, chủ cơ sở công nghiệp nông thôn. Tăng cường mối quan hệ với các địa phương khác để trao đổi, học tập kinh nghiệm;

b. Hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị, mô hình liên kết xây dựng vùng nguyên liệu nông sản đáp ứng theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam (VietGAP), sản xuất theo phương pháp hữu cơ (Organic);

c. Đẩy mạnh công tác thông tin, xúc tiến thương mại, quảng bá, trưng bày, giới thiệu sản phẩm. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn khảo sát, tìm kiếm, mở rộng thị trường và tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho cơ sở công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp.

3. Về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

a. Khuyến khích các cơ sở công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn- tiểu thủ công nghiệp nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, sản xuất, xúc tiến thương mại;

b. Ưu tiên hỗ trợ cơ sở công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường;

c. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở công nghiệp thực hiện các quy định về môi trường và xử lý chất thải.

4. Về nguồn kinh phí cho chương trình

a. Hàng năm, bố trí cân đối kinh phí từ ngân sách địa phương nhằm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công của tỉnh đảm bảo chương trình hoạt động có hiệu quả;

b. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách khuyến công bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để triển khai thực hiện chương trình đồng thời chủ động, tranh thủ, đề xuất các cơ chế chính sách, các nguồn lực của Trung ương (kinh phí khuyến công quốc gia), bố trí lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện tốt Chương trình. Tích cực khai thác, huy động các nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh hỗ trợ kinh phí cho hoạt động khuyến công;

c. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng mục đích;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện Chương trình theo từng năm; điều phối, giám sát, kiểm tra hoạt động triển khai, kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, rà soát cơ chế, chính sách, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế từng giai đoạn. Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình từng năm và tổng kết, báo cáo cả giai đoạn; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và Bộ Công Thương;

d) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, đề án khuyến công được duyệt hàng năm đảm bảo mục tiêu Chương trình đề ra;

đ) Hàng năm Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, trình Bộ Công Thương tổng hợp, thẩm định, phê duyệt các đề án, dự toán kinh phí khuyến công quốc gia theo nội dung của Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn, đề xuất các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khuyến công giai đoạn 2021-2025, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

2. Sở Tài Chính.

Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình Khuyến công giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định.

3. Các sở, ban ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội.

Các Sở, ban, ngành liên quan và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các đề án, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công thuộc chương trình này để triển khai thực hiện.

4. UBND các huyện, thành phố.

a) Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cho các cơ sở công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn;

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn, UBND cấp xã phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công hoàn thiện hồ sơ đăng ký kế hoạch; xem xét lựa chọn, lập danh sách, dự toán gửi Sở Công Thương tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh; kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện, sử dụng kinh phí khuyến công của các đề án thuộc địa bàn quản lý;

d) Tổ chức và huy động nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu của tỉnh, Chương trình phát triển - xã hội với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, một năm và giai đoạn gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh.

Chủ động, bám sát tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh là thành viên, hội viên của tổ chức. Căn cứ nội dung của

chương trình, tổng hợp nhu cầu, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở xây dựng đề án, đăng ký tham gia chương trình.

6. Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Chủ động xây dựng kế hoạch, đăng ký đề án khuyến công. Triển khai thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công đúng tiến độ, nội dung hỗ trợ, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả;

Trường hợp các văn bản được căn cứ tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

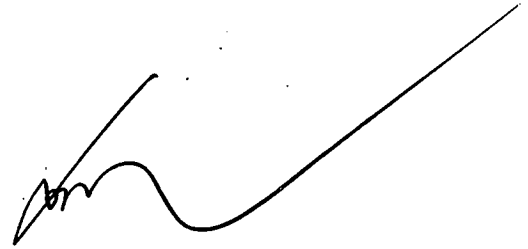
Gửi bản giấy+ điện tử:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Bộ Công Thương;
- Cục Công Thương Địa phương;
- Đơn vị không có TDoffice;

Gửi bản điện tử:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Hiệp hội DN, Hội DN trẻ tỉnh Bắc Kạn;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Lưu: VT, Hương

**KT.-CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

PHỤ LỤC 01
BIỂU NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 381 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Đề án, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Tổng giai đoạn			2021		2022		2023		2024		2025	
			Tổng số	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG
A	B	C	1	2	3	5	6	8	9	11	12	14	15	17	18
I	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.														
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	Mô hình	4		4				01		01		01		01
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	40	23	17	3	3	3	3	5	3	6	4	6	4
3	Tổ chức Hội nghị tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Hội nghị	1	1						1					
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về sản áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Mô hình	2		2						1				1
II	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu														
1	Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp	Hội chợ	1		1						1				
2	Tham gia các Hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	Hội chợ	4	4				1		1		1		1	
3	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước	Lượt	80	80		40				20				20	
4	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu	Nhãn hiệu	20	20				5		5		5		5	
5	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Lần	2	2				1				1			
6	Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm	Phòng trưng bày	3		3						1		1		1
III	Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường														
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Cụm CN	3		3				1		1		1		
2	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở	2		2						1		1		
IV	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT														
	Nâng cao năng lực quản lý cho doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn (Hội nghị, hội thảo chuyên đề giới thiệu chia sẻ kinh nghiệm, tổ chức sản xuất; kết nối giao thương, tập huấn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở CNNT với các nội dung: khởi sự doanh nghiệp, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, quản trị doanh nghiệp....)	Chương trình	5	5		1		1		1		1		1	
V	Tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn														
	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	Cơ sở	60	60		5		10		15		15		15	
VI	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công														
	Hỗ trợ xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác	Chương trình	5	5		1		1		1		1		1	
VII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện														
1	Hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công	Chương trình	2	2				1				1			
2	Tổ chức tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước	Đoàn	2	2				1				1			
3	Chi đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại, sở Công Thương	Lần	1	1						1					

TT	Đề án, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Tổng giai đoạn			2021		2022		2023		2024		2025	
			Tổng số	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG
4	Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm	Chương trình/Kế hoạch	4	4				1		1		1		1	
5	Tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết các hoạt động khuyến công.	Hội nghị	4	4				1		1		1		1	
6	Duy trì, cập nhập cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công;	Chương trình	4	4				1		1		1		1	

PHỤ LỤC 02
BIỂU KẾ HOẠCH KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đề án, nhiệm vụ	Tổng giai đoạn 2021-2025			2021		2022		2023		2024		2025	
		Tổng số	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG
A	B	1	2	3	5	6	8	9	11	12	14	15	17	18
	Tổng số kinh phí	21,877	8,207	13,670	608	800	1,440	2,400	2,282	4,650	2,015	3,050	1,862	2,770
I	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.	13,260	3,260	10,000	240	800	450	1,900	770	2,400	900	2,200	900	2,700
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	4,000		4,000				1,000		1,000		1,000		1,000
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	8,240	3,240	5,000	240	800	450	900	750	900	900	1,200	900	1,200
3	Tổ chức Hội nghị tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	20	20						20					
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về sản áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1,000		1,000						500				500
II	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	3,536	1,966	1,570	192		345		667	1,450	345	50	417	70
1	Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp	1,650	250	1,400					250	1,400				
2	Tham gia các Hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	400	400				100		100		100		100	
3	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước	576	576		192.0				192				192	
4	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu	500	500				125		125		125		125	
5	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	240	240				120				120			
6	Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm	170		170						50		50		70
III	Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác liên kết, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường	2,100		2,100				500		800		800		
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	1,500		1,500				500		500		500		
2	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	600		600						300		300		
IV	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT	143	143		23		30		30		30		30	
	Nâng cao năng lực quản lý cho doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn (Hội nghị, hội thảo chuyên đề giới thiệu chia sẻ kinh nghiệm, tổ chức sản xuất; kết nối giao thương, tập huấn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở CNNT với các nội dung: khởi sự doanh nghiệp, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, quản trị doanh nghiệp....)	143	143		23		30		30		30		30	
V	Tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn	1,500	1,500		125		250		375		375		375	
	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	1,500	1,500		125		250		375		375		375	
VI	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công	228	228		28		50		50		50		50	
	Hỗ trợ xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác	228	228		28		50		50		50		50	
VII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện	1,110	1,110				315		390		315		90	
1	Hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công	50	50				25				25			
2	Tổ chức tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp trong nước (Đoàn 10-15 người)	400	400				200				200			

TT	Đề án, nhiệm vụ	Tổng giai đoạn 2021-2025			2021		2022		2023		2024		2025	
		Tổng số	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG
3	Chi đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại, sở Công Thương	300	300						300					
4	Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm	80	80				20		20		20		20	
5	Tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết các hoạt động khuyến công.	80	80				20		20		20		20	
6	Duy trì, cập nhập cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công;	200	200				50		50		50		50	